

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ VĨNH THANH**

Số: 1369/UBND-VHXXH

V/v Thông tin, tuyên truyền các văn bản
chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Vĩnh Thanh, ngày 21 tháng 8 năm 2026

Kính gửi:

- Trung tâm Công ích xã;
- Trang Thông tin điện tử xã;
- Trưởng ấp các ấp trên địa bàn xã.

Thực hiện công văn số 6037/SVHTTDL-BCXB ngày 19 tháng 8 năm 2026 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Cà Mau về việc thông tin, tuyên truyền các văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh. Để thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thanh đề nghị:

1. Trung tâm công ích xã, Trang thông tin điện tử xã chủ động phối hợp với cơ quan chuyên môn có liên quan đẩy mạnh công tác tuyên truyền các nội dung theo phụ lục đính kèm; phối hợp với cơ quan liên quan lồng ghép vào các buổi sinh hoạt của các hội đoàn thể, phong trào, cuộc vận động đang được triển khai thực hiện phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

2. Trưởng ấp các ấp trên địa bàn xã đẩy mạnh công tác tuyên truyền các nội dung theo phụ lục đính kèm phù hợp với tình hình thực tế trên địa bàn quản lý.

(kèm theo phụ lục nội dung văn bản tuyên truyền).

Trên đây là công văn thông tin, tuyên truyền các văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau đề nghị Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị tổ chức có liên quan triển khai thực hiện tốt nội dung công văn này. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, VHXXH (K).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Huỳnh Hữu Tính

PHỤ LỤC

(Kèm Công văn số /UBND-VHXXH ngày tháng 8 năm 2026
của UBND xã Vĩnh Thanh về việc thông tin, tuyên truyền
các văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Số ký hiệu văn bản	Ngày ban hành	Trích yếu	Cơ quan ban hành	Nội dung trọng tâm tuyên truyền	Ghi chú
(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Số 481/KH-UBND	14/8/2026	Kế hoạch tổ chức gặp gỡ, đối thoại doanh nghiệp, hợp tác xã tỉnh Cà Mau	UBND tỉnh	Tăng cường truyền thông về kết quả xử lý kiến nghị doanh nghiệp, mô hình đồng hành cùng doanh nghiệp của tỉnh, tuyên truyền trước, trong và sau chương trình	
2	Số 489/KH-UBND	16/8/2026	Kế hoạch thực hiện sắp xếp, bố trí ổn định dân cư cho các đối tượng thuộc chương trình bố trí dân cư theo Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau	UBND tỉnh	Thông tin tuyên truyền về các nội dung, chính sách có liên quan đến Chương trình, vận động người dân tích cực tham gia cùng chính quyền địa phương thực hiện bố trí ổn định dân cư theo quy hoạch, kế hoạch góp phần bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.	
3	Số 13827U BND-NNXD	16/8/2026	Về việc tăng cường hoạt động bảo vệ nguồn lợi thủy sản	UBND tỉnh	Tăng cường tuyên truyền, vận động nhân dân, nhất là ngư dân và các tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác thủy sản trên địa bàn chấp hành nghiêm quy định của pháp luật về bảo vệ nguồn lợi thủy sản.	
4	Số 486/KH-UBND	15/8/2026	Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 29/2026/NĐ-CP ngày 19/01/2026 của Chính phủ về sản giao dịch các-bon trong nước trên địa bàn tỉnh Cà Mau	UBND tỉnh	Tăng cường tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về thị trường các-bon và sản giao dịch các-bon trong nước; giới thiệu các mô hình, cách làm hiệu quả, góp phần nâng cao nhận thức của cộng đồng và doanh nghiệp	
5	Số 273-TB/VP TU	13/8/2026	Thông báo ý kiến kết luận của đồng chí Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Trưởng Ban Chỉ đạo phong trào thi đua “Dân vận khéo” tỉnh	Tỉnh Ủy Cà Mau	Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về phong trào thi đua “Dân vận khéo” bằng các hình thức phù hợp, thiết thực, hướng mạnh về cơ sở. Chú trọng phát hiện, giới thiệu, biểu dương, nhân rộng các mô hình hay, cách làm sáng tạo, gương điển hình tiên tiến; tạo sức lan tỏa, cổ vũ cán bộ, đảng viên và Nhân dân tích cực tham gia phong trào; phát huy hiệu quả hệ	

					thống truyền thông, tuyên truyền, các nền tảng mạng xã hội trong việc đăng tải, lan tỏa các điển hình tiên tiến.	
--	--	--	--	--	--	--

THÔNG BÁO

**ý kiến kết luận của đồng chí Phó Bí thư Tỉnh ủy,
Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh,
Trưởng Ban Chỉ đạo phong trào thi đua “Dân vận khéo” tỉnh**

Ngày 12/8/2026, Ban Chỉ đạo phong trào thi đua “*Dân vận khéo*” tỉnh (viết tắt là *Ban Chỉ đạo*) tổ chức cuộc họp để cho ý kiến một số nội dung thuộc thẩm quyền; đồng chí Hồ Thanh Thủy, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Trưởng Ban Chỉ đạo chủ trì cuộc họp; tham dự có các đồng chí thành viên Ban Chỉ đạo và Tổ giúp việc phong trào thi đua “*Dân vận khéo*” tỉnh. Sau khi nghe Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy (cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo) báo cáo các nội dung liên quan và ý kiến của các đồng chí dự họp, đồng chí Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Trưởng Ban Chỉ đạo kết luận như sau:

1. Ghi nhận, đánh giá cao tinh thần, trách nhiệm của các đồng chí thành viên Ban Chỉ đạo và cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo đã chủ động xây dựng các dự thảo văn bản và triển khai các nhiệm vụ được giao; đề nghị các đồng chí thành viên Ban Chỉ đạo tiếp tục phát huy vai trò, trách nhiệm, bám sát chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực được phân công; chủ động tham mưu, theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai phong trào thi đua “*Dân vận khéo*” bảo đảm đồng bộ, thiết thực, hiệu quả, tránh chồng chéo, hình thức; xây dựng chương trình, kế hoạch công tác kiểm tra, giám sát của thành viên Ban Chỉ đạo đối với địa bàn, lĩnh vực phụ trách.

2. Các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tiếp tục quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc, đồng bộ, hiệu quả phong trào thi đua “*Dân vận khéo*” và “*Ngày Dân vận khéo*” theo Chỉ thị số 08-CT/TU, ngày 26/3/2026 và Công văn số 682-CV/TU, ngày 29/6/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Kế hoạch số 308/KH-UBND, ngày 29/5/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Hướng dẫn số 05-HD/BTGDVTU, ngày 03/7/2026, Kế hoạch số 77-KH/BTGDVTU và Kế hoạch số 78-KH/BTGDVTU, ngày 05/8/2026 của Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy và các văn bản chỉ đạo có liên quan. Việc triển khai phong trào phải gắn chặt với thực hiện nhiệm vụ chính

trị, giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra ở từng cơ quan, đơn vị, địa phương; hướng mạnh về cơ sở, lấy hiệu quả thực chất và sự đồng thuận, hưởng ứng của cán bộ, đảng viên và Nhân dân làm thước đo.

3. Các cơ quan, đơn vị, địa phương khẩn trương xây dựng kế hoạch và lựa chọn, đăng ký các mô hình “*Dân vận khéo*” bảo đảm thiết thực, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tế. Nội dung mô hình phải cụ thể, có địa chỉ, sản phẩm, kết quả và tiêu chí đánh giá rõ ràng; ưu tiên các mô hình gắn với ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính và những vấn đề người dân, doanh nghiệp quan tâm; kiên quyết khắc phục tình trạng đăng ký mô hình mang tính hình thức, thiếu tính khả thi hoặc hiệu quả thấp.

Quan tâm lựa chọn, xây dựng các mô hình mới, cách làm hay, sáng tạo, có khả năng nhân rộng; thường xuyên rà soát, đánh giá hiệu quả các mô hình đã triển khai để tiếp tục duy trì, nâng chất đối với những mô hình hiệu quả và kịp thời điều chỉnh, thay thế những mô hình không còn phù hợp; đồng thời, tăng cường công tác thẩm định, phân loại chất lượng các mô hình đăng ký ngay từ khâu đầu để đảm bảo tính thực chất.

4. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về phong trào thi đua “*Dân vận khéo*” bằng các hình thức phù hợp, thiết thực, hướng mạnh về cơ sở. Chú trọng phát hiện, giới thiệu, biểu dương, nhân rộng các mô hình hay, cách làm sáng tạo, gương điển hình tiêu biểu; tạo sức lan tỏa, cổ vũ cán bộ, đảng viên và Nhân dân tích cực tham gia phong trào; phát huy hiệu quả hệ thống truyền thông, tuyên truyền, các nền tảng mạng xã hội trong việc đăng tải, lan tỏa các điển hình tiên tiến.

5. Tăng cường theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những hạn chế, yếu kém, bất cập, biểu hiện hình thức; định kỳ đánh giá kết quả, rút kinh nghiệm và đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả phong trào; gắn kết quả thực hiện phong trào thi đua “*Dân vận khéo*” với công tác đánh giá, xếp loại tổ chức đảng, đảng viên và tập thể, cá nhân.

6. Định kỳ hằng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu tiến hành sơ kết, tổng kết, biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân và mô hình “*Dân vận khéo*” tiêu biểu; việc bình xét, đề nghị khen thưởng phải bảo đảm đúng đối tượng, tiêu chuẩn, công khai, minh bạch, thực chất, tạo động lực thúc đẩy phong trào phát triển sâu rộng, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị và các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh của tỉnh. Đổi mới phương thức khen thưởng, chú trọng tôn vinh những tập thể, cá nhân trực tiếp bám sát cơ sở, người lao động trực tiếp có sáng kiến, cách làm hiệu quả.

7. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy (*cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo*) tiếp thu đầy đủ các ý kiến tại cuộc họp, khẩn trương rà soát, hoàn thiện các dự thảo văn bản của Ban Chỉ đạo để ban hành và tổ chức triển khai thực hiện; chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ban Chỉ đạo theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo, bảo đảm đúng quy định, tiến độ và yêu cầu đề ra; kịp thời tổng hợp những khó khăn, vướng mắc, vấn đề phát sinh, báo cáo Trưởng Ban Chỉ đạo xem xét, chỉ đạo; đồng thời, định kỳ 6 tháng, hằng năm báo cáo Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo quy định.

Văn phòng Tỉnh ủy thông báo ý kiến chỉ đạo của đồng chí Hồ Thanh Thủy, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Trưởng Ban Chỉ đạo để các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ thực hiện.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh;
- Các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ cấp tỉnh;
- Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy;
- Các đồng chí thành viên Ban Chỉ đạo và Tổ giúp việc;
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy(Ng).

**K/T CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



Huỳnh Ngọc Hiền

Số: 481 /KH-UBND

Cà Mau, ngày 14 tháng 8 năm 2026

KẾ HOẠCH

Tổ chức gặp gỡ, đối thoại doanh nghiệp, hợp tác xã tỉnh Cà Mau

Căn cứ Kế hoạch số 0271/KH-UBND ngày 31/12/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân;

Căn cứ Kế hoạch số 172/KH-UBND ngày 01/4/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai các chính sách hỗ trợ quy định tại Nghị định số 20/2026/NĐ-CP ngày 15/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17/8/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân.

Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành Kế hoạch tổ chức đối thoại doanh nghiệp, hợp tác xã tỉnh Cà Mau, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH - YÊU CẦU

1. Mục đích:

- Gặp gỡ, đối thoại giữa lãnh đạo tỉnh với doanh nghiệp, nhà đầu tư, hợp tác xã đang hoạt động trên địa bàn tỉnh và các tổ chức đại diện doanh nghiệp nhằm nắm bắt tình hình hoạt động, lắng nghe, tiếp nhận các ý kiến, kiến nghị. Đồng thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong đầu tư, sản xuất, kinh doanh và tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp phát triển ổn định, hiệu quả trên địa bàn tỉnh.

- Thể hiện cam kết của tỉnh trong việc đồng hành, hỗ trợ và tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh. Qua đó góp phần nâng cao chất lượng điều hành, tăng cường mức độ hài lòng của doanh nghiệp, nhà đầu tư và đồng thời cải thiện các chỉ số PCI, CGI của tỉnh.

2. Yêu cầu:

- Hội nghị được tổ chức trang trọng, an toàn, tiết kiệm, thiết thực và hiệu quả; truyền tải thông điệp của tỉnh đồng hành cùng doanh nghiệp.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, kết hợp linh hoạt hình thức đối thoại trực tiếp và trực tuyến, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho cộng đồng doanh nghiệp ở tất cả các xã, phường trên địa bàn tỉnh Cà Mau tham gia.

- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh và các đơn vị liên quan chủ động triển khai thực hiện nhiệm vụ được phân công tại Kế hoạch; phối hợp chặt chẽ trong công tác chuẩn bị, bảo đảm Hội nghị được tổ chức đúng tiến độ, chất lượng, đạt mục đích và yêu cầu đề ra.

- Bảo đảm việc tiếp nhận, xử lý và phản hồi kiến nghị doanh nghiệp thực chất, đúng thời gian quy định.

II. HÌNH THỨC, THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM, THÀNH PHẦN, NỘI DUNG, KINH PHÍ

1. Hình thức hội nghị: Kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến.

2. Thời gian tổ chức:

- Tổ chức định kỳ: Hằng quý.

- Tổ chức đột xuất: Khi có yêu cầu cấp thiết từ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc khi phát sinh các vướng mắc mang tính chất liên ngành, cấp bách ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, thu hút đầu tư của tỉnh.

3. Địa điểm: Điểm cầu Ủy ban nhân dân tỉnh và các điểm cầu tại Ủy ban nhân dân các xã, phường.

4. Thành phần:

4.1. Trực tiếp tại điểm cầu Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Lãnh đạo tỉnh;

- Lãnh đạo các Sở, ngành có liên quan;

- Đại diện các doanh nghiệp, nhà đầu tư có khó khăn, vướng mắc (*Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo, mời*).

4.2. Trực tuyến tại điểm cầu Ủy ban nhân dân các xã, phường:

- Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường

- Đại diện các doanh nghiệp, nhà đầu tư, Hợp tác xã có khó khăn, vướng mắc (*Ủy ban nhân dân các xã, phường thông báo, mời*).

5. Nội dung:

- Giới thiệu, tuyên bố lý do;

- Phát biểu của Lãnh đạo tỉnh;

- Doanh nghiệp, nhà đầu tư, hợp tác xã đang hoạt động trình bày những khó khăn, vướng mắc, đề xuất kiến nghị (*nếu có*);

- Đại diện Sở, ngành có liên quan tiếp thu, trả lời;

- Lãnh đạo tỉnh kết luận.

6. Kinh phí: đề xuất nguồn kinh phí ngân sách cấp bổ sung hoặc các nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có).

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Tài chính (cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo tỉnh về phát triển kinh tế tư nhân)

- Là cơ quan đầu mối, chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện toàn bộ nội dung Kế hoạch, đảm bảo hiệu quả, chất lượng, đạt yêu cầu, tiến độ theo quy định; theo dõi,

đôn đốc, tổng hợp tình hình thực hiện, kịp thời báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo.

- Chủ trì, tổ chức việc khảo sát, tiếp nhận, phân loại, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo xử lý các kiến nghị, ý kiến của doanh nghiệp; đồng thời, theo dõi quá trình xử lý của sở, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường đối với các kiến nghị. Định kỳ, báo cáo kết quả xử lý, trình bày tại Hội nghị.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thời gian tổ chức hội nghị định kỳ, dự kiến thành phần tham dự, chương trình, bài phát biểu của lãnh đạo tỉnh gửi về Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh trước khi tổ chức hội nghị 03 ngày để báo cáo, xin ý kiến lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh. Đồng thời, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh liên hệ xác nhận đại biểu tham dự hội nghị định kỳ.

- Sau khi kết thúc mỗi kỳ đối thoại, rà soát các kiến nghị, tham mưu lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị giải quyết khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, nhà đầu tư.

- Dự trù, thẩm định kinh phí trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định; cân đối nguồn phù hợp, bổ sung kinh phí (nếu có) cho các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện Kế hoạch theo đúng quy định.

- Thực hiện các nhiệm vụ liên quan khác theo chức năng lĩnh vực quản lý và theo sự phân công của lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

- Phát hành Giấy mời các đại biểu tham dự Hội nghị;

- Phối hợp Sở Tài chính thực hiện công tác lễ tân, đón tiếp các đại biểu tham dự Hội nghị.

3. Sở, ngành có liên quan.

- Phân công 01 Lãnh đạo trực tiếp phụ trách và 01 cán bộ làm đầu mối phối hợp xử lý các kiến nghị của doanh nghiệp thuộc thẩm quyền.

- Chủ động rà soát, xử lý dứt điểm các vướng mắc được giao tại Thông báo kết luận đúng thời hạn; có văn bản trả lời gửi doanh nghiệp đồng thời gửi Sở Tài chính để theo dõi, tổng hợp.

4. Ủy ban nhân dân các xã, phường:

- Chuẩn bị đầy đủ cơ sở vật chất, đường truyền tại điểm cầu trực tuyến cấp xã, phường; thông báo rộng rãi đến các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn có khó khăn, vướng mắc đến tham dự Hội nghị.

- Báo cáo định kỳ hằng tháng về kết quả giải quyết vướng mắc của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn về Sở Tài chính để theo dõi, tổng hợp.

5. Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh

- Phát huy vai trò cầu nối, chủ động nắm bắt, tổng hợp chính xác những khó khăn thực tế, nguyện vọng của cộng đồng doanh nghiệp, gửi về Sở Tài chính trước mỗi kỳ Hội nghị.

- Cùng với Sở, ngành có liên quan tham gia giám sát, độc lập đánh giá chất lượng phục vụ và mức độ hài lòng của doanh nghiệp đối với sự hỗ trợ của các cơ quan quản lý nhà nước.

6. Báo và Phát thanh, Truyền hình Cà Mau, Cổng Thông tin điện tử tỉnh và các cơ quan thông tấn, báo chí khác trên địa bàn tỉnh:

- Cử phóng viên tham dự và đưa tin tuyên truyền trước, trong và sau chương trình.
- Tăng cường truyền thông về kết quả xử lý kiến nghị doanh nghiệp, mô hình đồng hành cùng doanh nghiệp của tỉnh.

Trên đây là Kế hoạch tổ chức gặp gỡ, đối thoại doanh nghiệp, hợp tác xã tỉnh Cà Mau, yêu cầu Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chủ động triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao. Trong quá trình tổ chức thực hiện, có khó khăn, vướng mắc, kịp thời báo cáo, thông tin về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Các Phòng khối NC-TH;
- Lưu: VT, KTTH (Ph_{KTTN} 41.2), TH78/8.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Huỳnh Chí Nguyễn



Phụ lục. Bảng theo dõi xử lý kiến nghị doanh nghiệp
(kèm theo Kế hoạch số 481 /KH-UBND ngày 14 / 8 /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Mã kiến nghị	Thời gian tiếp nhận	Tên doanh nghiệp	Địa bàn/Lĩnh vực hoạt động	Nội dung kiến nghị	Nhóm lĩnh vực	Cơ quan chủ trì xử lý	Cơ quan phối hợp	Thời hạn xử lý	Tình trạng xử lý	Kết quả xử lý/phản hồi	Ngày phản hồi doanh nghiệp	Mức độ hài lòng của doanh nghiệp	Ghi chú
1	KN-2026-001	05/6/2026	Công ty A	Công nghiệp	Vướng thủ tục đất đai	Đất đai	Sở NN&MT	UBND xã	07 ngày	Đã xử lý	Đã hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ	12/6/2026	Hài lòng	
2	KN-2026-002	06/6/2026	Công ty B	Thương mại	Đề nghị hỗ trợ điện sản xuất	Điện lực	Công ty Điện lực	Sở Công Thương	15 ngày	Đang xử lý	Đang khảo sát thực tế			

Hướng dẫn theo dõi:

- Mã kiến nghị: Quy ước KN-Năm-Số thứ tự (ví dụ: KN-2026-015).
- Nhóm lĩnh vực: Đầu tư; Đất đai; Xây dựng; Thuế; Hải quan; Điện; Lao động; Môi trường; Tín dụng; Thủ tục hành chính; Khác.
- Tình trạng xử lý: Chưa xử lý; Đang xử lý; Đã xử lý; Chờ phối hợp; Báo cáo UBND tỉnh; Vượt thẩm quyền.
- Mức độ hài lòng: Rất hài lòng; Hài lòng; Chưa hài lòng; Chưa phản hồi.

Số: 489 /KH-UBND

Cà Mau, ngày 16 tháng 8 năm 2026

KẾ HOẠCH

**Thực hiện sắp xếp, bố trí ổn định dân cư cho các đối tượng thuộc
Chương trình bố trí dân cư theo Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18/5/2022
của Thủ tướng Chính phủ giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau**

Thực hiện Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; Thông tư số 24/2023/TT-BNNPTNT ngày 21/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) Hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; Thông tư số 13/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn và lĩnh vực giảm nghèo.

Trên cơ sở đề xuất của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 823/TTr-SNNMT ngày 28/7/2026 và tổng hợp ý kiến Thành viên UBND tỉnh tại Công văn số 3759/VP-NNXD ngày 07/8/2026 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện sắp xếp, bố trí ổn định dân cư cho các đối tượng thuộc Chương trình bố trí dân cư theo Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau, cụ thể như sau:

**I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH BỐ TRÍ DÂN CƯ GIAI
ĐOẠN 2021 - 2025**

1. Công tác chỉ đạo, điều hành và ban hành văn bản

Thực hiện Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình bố trí dân cư các vùng: thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; Thông tư số 24/2023/TT-BNNPTNT ngày 21/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) hướng dẫn thực hiện Chương trình và các văn bản có liên quan, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ về bố trí, sắp xếp ổn định dân cư trên địa bàn.

Ủy ban nhân dân tỉnh đã trình Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau (trước hợp

nhất) và Bạc Liêu (*trước hợp nhất*) ban hành các Nghị quyết¹ quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ để triển khai thực hiện việc sắp xếp, bố trí ổn định dân cư trên địa bàn tỉnh.

Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt 06 phương án bố trí dân cư theo Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ (05 phương án bố trí theo hình thức xen ghép² và 01 phương án bố trí theo hình thức tập trung³), để bố trí cho 968 hộ dân vào 966 nền (trong đó có 02 hộ chỉ nhận kinh phí hỗ trợ di chuyển, không bố trí nền) vào các khu tái định cư.

2. Kết quả triển khai thực hiện sắp xếp, bố trí ổn định dân cư

2.1. Cơ sở triển khai thực hiện

- Kế hoạch số 202/KH-UBND ngày 27/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau (*trước hợp nhất*), với tổng số hộ dự kiến bố trí là 3.693 hộ vào 23 khu tái định cư. Qua rà soát, cập nhật nhu cầu thực tế của các địa phương, tổng số hộ cần sắp xếp, bố trí ổn định dân cư trong giai đoạn là 1.725 hộ vào 15 khu tái định cư.

- Kế hoạch số 74/KH-UBND ngày 19/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu (*trước hợp nhất*), với tổng số 367 hộ dự kiến được sắp xếp, bố trí vào 03 điểm tái định cư tập trung; Kế hoạch số 73/KH-UBND ngày 28/4/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu (*trước hợp nhất*) được thay thế bởi Kế hoạch số 41/KH-UBND ngày 23/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau.

2.2. Kết quả thực hiện

- Đối với tỉnh Cà Mau (*trước hợp nhất*): đã bố trí được 946 hộ dân, trong đó có 420 hộ thuộc các phương án bố trí ổn định dân cư xen ghép đã được phê duyệt. Theo nhóm đối tượng gồm: vùng thiên tai 935 hộ (tập trung 264 hộ, xen ghép 620 hộ, ổn định tại chỗ 51 hộ); vùng dân di cư tự do 10 hộ; vùng dân cư trú trong khu rừng đặc dụng 01 hộ.

- Đối với tỉnh Bạc Liêu (*trước hợp nhất*): đã bố trí được 16 hộ, gồm 03 hộ thuộc phương án bố trí tập trung được phê duyệt và 13 hộ bị ảnh hưởng bởi các dự án khác. Lũy kế đến nay đã bố trí được 52/403 hộ vào 03 điểm tái định cư tập trung.

(Phụ lục 1 đính kèm)

¹ Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 07/7/2023 Quy định mức hỗ trợ một số nội dung thực hiện Chương trình bố trí dân cư đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Cà Mau và Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 Ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ trực tiếp cho hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng của Chương trình bố trí dân cư trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu giai đoạn 2024 – 2025.

² Quyết định số 1569/QĐ-UBND ngày 06/8/2024 đối với UBND huyện Đầm Dơi; Quyết định số 1952/QĐ-UBND ngày 05/10/2024 đối với UBND huyện U Minh; Quyết định số 1953/QĐ-UBND ngày 05/10/2024 đối với UBND huyện Phú Tân; Quyết định số 2620/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 đối với Huyện Trần Văn Thời; Quyết định số 2621/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 đối với UBND huyện Năm Căn.

³ Quyết định số 2108/QĐ-UBND ngày 16/11/2023 của UBND tỉnh Bạc Liêu về việc phê duyệt Phương án di dời, tái định cư cho các hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng di dời giai đoạn 01 của Dự án đầu tư xây dựng khu dân cư, tái định cư rừng phòng hộ tỉnh Bạc Liêu.

3. Kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ

Các cơ chế, chính sách hỗ trợ cho hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng của Chương trình được triển khai trên cơ sở Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 07/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau (trước hợp nhất) và Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu (trước hợp nhất). Đến nay, đã thực hiện hỗ trợ kinh phí, cụ thể:

- Đối với tỉnh Cà Mau (*trước hợp nhất*): Tổng kinh phí hỗ trợ di chuyển của 05 Phương án bố trí ổn định dân cư xen ghép là 12.286 triệu đồng. Đã phân bổ kinh phí được 5.006 triệu đồng⁴ cho 04 xã. Đến nay, đã giải ngân được 2.706/5.006 triệu đồng⁵.

Phần kinh phí còn lại chưa được phân bổ chủ yếu do một số địa phương chưa hoàn thiện hồ sơ đề xuất hoặc đề xuất chậm, dẫn đến chưa đủ cơ sở để bố trí vốn theo quy định.

- Đối với tỉnh Bạc Liêu (*trước hợp nhất*): Đã phân bổ 6.705,01 triệu đồng cho Ủy ban nhân dân xã Đông Hải để thực hiện công tác bố trí, tái định cư và hỗ trợ cho các hộ dân theo quy định. Hiện địa phương đang triển khai thực hiện các thủ tục liên quan và dự kiến hoàn thành trong năm 2026.

4. Đánh giá chung về kết quả thực hiện Chương trình bố trí dân cư giai đoạn 2021 - 2025

4.1. Một số kết quả đạt được

- Công tác bố trí, sắp xếp dân cư đã góp phần quan trọng trong việc ổn định nơi ở, bảo đảm an toàn tính mạng và tài sản cho người dân tại các khu vực thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai, sạt lở, triều cường, nước biển dâng.

- Hạ tầng thiết yếu tại nhiều khu tái định cư từng bước được đầu tư tương đối đồng bộ, như: giao thông, điện, nước sinh hoạt, trường học,... tạo điều kiện thuận lợi cho người dân ổn định cuộc sống, phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập.

- Việc ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ đã góp phần giảm bớt khó khăn cho người dân trong quá trình di dời, xây dựng nhà ở và ổn định cuộc sống tại nơi ở mới.

- Một số khu tái định cư đã phát huy hiệu quả tích cực, tạo điều kiện cho người dân tiếp cận thị trường lao động, tham gia các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; góp phần bảo đảm an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững và giữ vững an ninh trật tự tại địa phương.

4.2. Một số tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Nguồn lực đầu tư cho Chương trình còn hạn chế; ngân sách địa phương chưa đáp ứng yêu cầu thực tế, trong khi nguồn vốn hỗ trợ từ Trung ương còn khó khăn, dẫn đến tiến độ triển khai một số dự án chậm, hạ tầng chưa đồng bộ...

⁴ Xã Tân Thuận: 120 triệu; xã Khánh Lâm: 2.646 triệu đồng; xã U Minh: 80 triệu đồng; xã Phú Tân: 2.160 triệu đồng.

⁵ Xã Tân Thuận: 120/120 triệu; xã Khánh Lâm: 1.146/2.646 triệu đồng; xã U Minh: 80/80 triệu đồng; xã Phú Tân: 1.360/2.160 triệu đồng.

- Phần lớn các hộ dân tái định cư chỉ được bố trí đất ở, chưa có quỹ đất sản xuất hoặc diện tích đất sản xuất còn hạn chế, ảnh hưởng đến khả năng tạo sinh kế ổn định lâu dài.

- Công tác đào tạo nghề, chuyển đổi nghề và phát triển sinh kế cho người dân sau tái định cư chưa đạt hiệu quả như kỳ vọng; đời sống của một bộ phận người dân vẫn còn khó khăn.

- Công tác quản lý, khai thác và vận hành một số khu tái định cư sau đầu tư còn hạn chế; việc lồng ghép các chương trình, dự án hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội chưa thực sự hiệu quả.

Qua triển khai Chương trình giai đoạn 2021 - 2025, mặc dù nguồn lực còn hạn chế nhưng tỉnh đã từng bước hình thành hệ thống các khu tái định cư phục vụ di dời dân cư vùng thiên tai, góp phần bảo đảm an toàn tính mạng, ổn định đời sống nhân dân và thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững. Tuy nhiên, tiến độ thực hiện còn chậm so với kế hoạch; một số dự án chưa hoàn thành do khó khăn về nguồn vốn, giải phóng mặt bằng, biến động nhu cầu bố trí dân cư sau rà soát và ảnh hưởng của quá trình sắp xếp đơn vị hành chính. Đây là những vấn đề cần tập trung khắc phục trong giai đoạn 2026 - 2030.

II. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH BỐ TRÍ DÂN CƯ GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

1. Mục tiêu và yêu cầu

1.1. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung

Tiếp tục thực hiện hiệu quả Chương trình bố trí dân cư tại các vùng: thiên tai, đặc biệt khó khăn, di cư tự do, khu rừng đặc dụng, rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh; bảo đảm ổn định đời sống vật chất và tinh thần cho người dân; giảm thiểu thiệt hại do thiên tai, sạt lở, biến đổi khí hậu; tạo điều kiện để người dân tiếp cận đầy đủ các dịch vụ xã hội cơ bản, phát triển sinh kế bền vững, góp phần bảo vệ môi trường sinh thái, giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội.

b) Mục tiêu cụ thể

- Giai đoạn 2026 - 2030: Dự kiến thực hiện bố trí ổn định khoảng 3.255 hộ, gồm:

- + Bố trí theo hình thức: Tập trung: 2.682 hộ; Xen ghép: 573 hộ.

- + Bố trí theo nhóm đối tượng: Thiên tai 2.402 hộ (tập trung: 1.879 hộ và xen ghép 523 hộ); Khu rừng phòng hộ 853 hộ (tập trung: 803 hộ và xen ghép 50 hộ).

(Phụ lục 2 đính kèm)

- Phần đầu đến cuối năm 2030, không còn tình trạng dân di cư tự do trên địa bàn tỉnh; tại các vùng dự án bố trí ổn định dân cư: tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân từ 1,0 - 1,5%/năm; tốc độ tăng thu nhập bình quân đầu người từ 9,5-12%/năm; tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn $\geq 40\%$ (bao gồm tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước hộ gia đình và công trình cấp nước tập trung (nếu có)); tỷ lệ hộ được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn đạt $\geq 98\%$; không

còn nhà tạm, đột nát; tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố đạt $\geq 75\%$.

1.2. Yêu cầu

- Việc triển khai Chương trình phải bảo đảm đồng bộ, thống nhất, đúng quy định pháp luật, phù hợp với Quy hoạch tỉnh và điều kiện thực tế của từng địa phương.

- Ưu tiên bố trí các hộ dân đang sinh sống tại khu vực có nguy cơ thiên tai, sạt lở, khu rừng đặc dụng; bảo đảm công khai, minh bạch, đúng đối tượng.

- Lồng ghép hiệu quả các chương trình, dự án; sử dụng nguồn vốn tiết kiệm, hiệu quả; nâng cao trách nhiệm của các sở, ngành và địa phương.

2. Nội dung và giải pháp

2.1. Về quy hoạch, kế hoạch

- Rà soát, cập nhật và đồng bộ nội dung bố trí ổn định dân cư với Quy hoạch tỉnh, quy hoạch xây dựng nông thôn và các quy hoạch ngành có liên quan; bảo đảm phù hợp với điều kiện tự nhiên, đặc điểm sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

- Chủ động xây dựng phương án bố trí dân cư theo hướng phòng ngừa rủi ro, ưu tiên di dời dân cư ra khỏi các khu vực có nguy cơ cao xảy ra sạt lở, ngập lụt, thiên tai; hạn chế phát sinh điểm dân cư mới tại các khu vực không bảo đảm an toàn.

- Rà soát, đánh giá hiệu quả các khu tái định cư đã đầu tư; kịp thời điều chỉnh mô hình bố trí dân cư theo hướng gắn nơi ở với sinh kế, hạ tầng thiết yếu và dịch vụ xã hội cơ bản.

- Lập, thẩm định và phê duyệt danh mục các dự án bố trí dân cư giai đoạn 2026 - 2030 theo thứ tự ưu tiên, bảo đảm phù hợp nhu cầu thực tế và khả năng cân đối nguồn lực.

- Xây dựng lộ trình thực hiện cụ thể theo từng năm, gắn với trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị, địa phương; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát tiến độ triển khai thực hiện.

2.2. Bố trí đất ở, nhà ở, đất sản xuất, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng thiết yếu

- Thực hiện giao đất ở, đất sản xuất cho các hộ dân theo đúng quy định của pháp luật; bảo đảm công khai, minh bạch, đúng đối tượng và phù hợp điều kiện thực tế từng địa phương.

- Thực hiện đầy đủ các chính sách hỗ trợ về di dời, ổn định đời sống, miễn giảm tiền sử dụng đất và các chính sách có liên quan theo quy định hiện hành.

- Tập trung đầu tư đồng bộ kết cấu hạ tầng thiết yếu tại các khu tái định cư như: giao thông, điện, nước sinh hoạt, trường học, trạm y tế, công trình thủy lợi, hạ tầng số và các công trình công cộng khác.

- Hỗ trợ trực tiếp cho các hộ thuộc đối tượng của Chương trình về di chuyển người và tài sản, xây dựng nhà ở, ổn định đời sống ban đầu, nước sinh hoạt và các

nội dung hỗ trợ khác theo quy định.

- Hỗ trợ địa bàn bố trí dân cư xen ghép để đầu tư, nâng cấp hạ tầng thiết yếu phục vụ nhu cầu sinh hoạt, học tập, khám chữa bệnh và sản xuất của người dân.

- Tăng cường công tác quản lý, vận hành, duy tu, bảo dưỡng các khu tái định cư sau đầu tư; bảo đảm sử dụng hiệu quả, đúng mục đích, tránh tình trạng xuống cấp hoặc bỏ hoang.

2.3. Phát triển sản xuất và sinh kế bền vững

- Hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã, tổ hợp tác; xây dựng các mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị.

- Lồng ghép hiệu quả với các chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình OCOP, xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững nhằm tạo sinh kế ổn định cho người dân.

- Ưu tiên hỗ trợ giống, vật tư, thiết bị, chuyển giao khoa học kỹ thuật, ứng dụng công nghệ số trong sản xuất; phát triển các mô hình thích ứng biến đổi khí hậu.

- Khuyến khích phát triển ngành nghề nông thôn, dịch vụ, du lịch cộng đồng và các ngành nghề phi nông nghiệp phù hợp điều kiện thực tế từng địa phương.

2.4. Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm

- Tổ chức đào tạo nghề cho người dân bị ảnh hưởng do sắp xếp, bố trí dân cư, tạo điều kiện ổn định thu nhập của người dân, phát triển kinh tế tại địa phương.

- Hỗ trợ xây dựng các mô hình đào tạo nghề phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới.

- Tăng cường liên kết với doanh nghiệp để tạo việc làm sau khi đào tạo; khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào khu vực nông thôn và khu tái định cư.

- Hỗ trợ người dân tiếp cận nguồn vốn tín dụng chính sách để tạo việc làm, duy trì và ổn định việc làm, phát triển sản xuất, kinh doanh.

2.5. Tuyên truyền vận động

- Đổi mới nội dung và phương thức tuyên truyền theo hướng dễ hiểu, sát thực tế, tập trung vào quyền lợi và trách nhiệm của người dân khi tham gia Chương trình.

- Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội trong vận động, tạo sự đồng thuận xã hội; lấy người dân làm trung tâm, khuyến khích người dân tham gia giám sát.

- Tăng cường tuyên truyền để hạn chế tình trạng di cư tự do, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật, giữ gìn an ninh trật tự tại khu tái định cư.

2.6. Nâng cao năng lực quản lý

Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác bố trí dân cư, nhất là cấp cơ sở; nâng cao năng lực quản lý dự án, giải ngân vốn, vận hành khu tái định cư.

3. Kinh phí và nguồn lực thực hiện

- Kinh phí thực hiện được bố trí từ nguồn ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương, vốn lồng ghép từ các chương trình mục tiêu quốc gia, vốn tín dụng chính sách, vốn doanh nghiệp và xã hội hóa.

- Việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện theo đúng quy định pháp luật.

4. Tổ chức thực hiện

4.1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan, hướng dẫn các địa phương tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; tổng hợp, tham mưu xây dựng dự toán kinh phí thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình, báo cáo kết quả thực hiện hằng năm về Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

- Phối hợp với Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp, rà soát các dự án đầu tư bố trí ổn định dân cư cấp bách do các địa phương đề xuất, bảo đảm phù hợp theo quy hoạch, kế hoạch được duyệt.

- Căn cứ nội dung, chương trình, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng về công tác bố trí ổn định dân cư do Bộ Nông nghiệp và Môi trường triển khai, chủ động phối hợp với các địa phương, cơ quan, đơn vị để tham gia, nhằm đào tạo, bồi dưỡng về kiến thức, quản lý thực hiện cho cán bộ, công chức, người làm công tác bố trí dân cư trên địa bàn tỉnh.

- Nghiên cứu, đề xuất cấp thẩm quyền xem xét, quyết định ban hành các cơ chế, chính sách hỗ trợ bố trí dân cư theo quy định hiện hành và phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh. Kịp thời rà soát, báo cáo, đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các địa phương, để tổ chức quản lý và thực hiện hiệu quả Chương trình trên địa bàn tỉnh.

4.2. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan; trên cơ sở đề xuất của cơ quan chủ trì và khả năng cân đối ngân sách địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn, hằng năm, tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí kinh phí, vốn thực hiện Kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các quy định pháp luật có liên quan.

Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương lập dự toán, quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định của pháp luật.

Phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan kiểm tra việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện Kế hoạch theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

4.3. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan thông tin truyền thông, tuyên truyền các nội dung, chính sách có liên quan đến Chương trình, vận động người dân tích cực tham

gia cùng chính quyền địa phương thực hiện bố trí ổn định dân cư theo quy hoạch, kế hoạch góp phần bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

4.4. Các Sở: Xây dựng; Giáo dục và Đào tạo; Y tế và các cơ quan, đơn vị có liên quan: căn cứ chức năng, nhiệm vụ hướng dẫn các địa phương có giải pháp thực hiện tốt nhiệm vụ của ngành.

4.5. Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp

- Chịu trách nhiệm trong việc đầu tư xây dựng, đảm bảo chất lượng các dự án, công trình tái định cư được giao làm chủ đầu tư. Đồng thời, có trách nhiệm báo cáo, giải trình, làm rõ những vấn đề có liên quan (theo chức năng, nhiệm vụ được giao) đối với các dự án, công trình tái định cư được giao làm chủ đầu tư trước pháp luật và cơ quan truyền thông.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị có liên quan, rà soát các dự án đầu tư bố trí ổn định dân cư cấp bách do các địa phương đề xuất, đảm bảo phù hợp quy hoạch, kế hoạch được duyệt, trình cấp thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị có liên quan, tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá, tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện Chương trình theo quy hoạch, kế hoạch được duyệt.

4.6. Ủy ban nhân dân cấp xã có khu tái định cư

- Tổ chức triển khai thực hiện Chương trình bố trí dân cư tại địa phương và phối hợp thực hiện các dự án đầu tư bố trí ổn định dân cư theo quy định.

- Chủ động lồng ghép các chương trình, dự án, nguồn vốn hợp pháp để đầu tư hoàn thiện hạ tầng, phát triển sinh kế cho người dân khu tái định cư.

- Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát các dự án cụ thể trên địa bàn; các xã có dân đi và đến phối hợp tổ chức công tác đăng ký nhân hộ khẩu, căn cước công dân theo quy định Luật Cư trú.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan, tham mưu lập, điều chỉnh Quy hoạch chung cấp xã trình cấp thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn; tham mưu cấp thẩm quyền theo dõi, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện quy hoạch đã được phê duyệt.

- Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ tái định cư theo quy định; trường hợp, có khó khăn, vướng mắc kịp thời báo cáo cơ quan có thẩm quyền để được tháo gỡ giải quyết các vướng mắc về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với các khu tái định cư.

- nêu cao tinh thần, trách nhiệm trong công tác chỉ đạo quản lý, vận hành sử dụng, duy tu bảo dưỡng sau khi tiếp nhận bàn giao từ chủ đầu tư; chủ trì phối hợp với đơn vị chuyên môn có liên quan rà soát, xây dựng kế hoạch duy tu, bảo dưỡng thường xuyên theo quy định; không để thất thoát, hư hỏng tài sản nhà nước. Đồng thời, chịu trách nhiệm trực tiếp trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về toàn bộ

công tác quản lý, khai thác, vận hành các khu tái định cư trên địa bàn; bảo đảm sử dụng đúng mục đích, hiệu quả, không để xảy ra tình trạng lấn chiếm, sử dụng sai mục đích, bỏ hoang hoặc xuống cấp hạ tầng.

- Rà soát, xây dựng phương án bố trí ổn định dân cư trên địa bàn, trình cấp thẩm quyền xem xét, thẩm định, phê duyệt để làm cơ sở thực hiện; tổ chức xét duyệt đối tượng đảm bảo công khai, minh bạch, đúng quy định.

Yêu cầu các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện tốt nội dung Kế hoạch này. Hằng năm, báo cáo kết quả thực hiện định kỳ 6 tháng (*trước ngày 15/6*), báo cáo năm (*trước ngày 15/11*) và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định

Trong quá trình tổ chức thực hiện, trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung, các đơn vị, địa phương có liên quan, phản ánh về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Phòng NN-XD (Lợi);
- Lưu: VT, TH85/8.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



[Handwritten signature]
Lê Văn Sửu

KẾ HOẠCH

**Triển khai thực hiện Nghị định số 29/2026/NĐ-CP ngày 19/01/2026
của Chính phủ về sản giao dịch các-bon trong nước
trên địa bàn tỉnh Cà Mau**

Thực hiện Nghị định số 29/2026/NĐ-CP ngày 19/01/2026 của Chính phủ về sản giao dịch các-bon trong nước (viết tắt là Nghị định số 29/2026/NĐ-CP); Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn (viết tắt là Nghị định số 06/2022/NĐ-CP); Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn (viết tắt là Nghị định số 119/2025/NĐ-CP);

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện các Nghị định của Chính phủ nêu trên (sau đây viết tắt là Kế hoạch), gồm các nội dung chủ yếu như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa và triển khai đồng bộ, hiệu quả các quy định tại Nghị định số 29/2026/NĐ-CP; Nghị định số 06/2022/NĐ-CP; Nghị định số 119/2025/NĐ-CP.

- Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, cộng đồng doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc chủ động tham gia thị trường các-bon, góp phần thực hiện mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính, phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và tăng trưởng bền vững.

- Chuẩn bị đầy đủ các điều kiện cần thiết để các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tham gia hiệu quả thị trường các-bon trong nước theo đúng lộ trình Chính phủ quy định. Mở ra kênh tài chính mới, tạo nguồn thu từ tín chỉ các-bon. Khuyến khích các doanh nghiệp chuyển đổi công nghệ, giảm phát thải khí nhà kính.

- Khai thác hiệu quả tiềm năng phát triển tín chỉ các-bon của tỉnh, nhất là đối với rừng ngập mặn, mô hình lúa - tôm, nuôi tôm dưới tán rừng, năng lượng tái tạo, quản lý chất thải và các lĩnh vực có khả năng hấp thụ hoặc giảm phát thải khí nhà kính nhằm tạo nguồn cung tín chỉ các-bon, hỗ trợ mục tiêu tăng trưởng xanh và cam kết giảm phát thải.

2. Yêu cầu

- Bảo đảm việc triển khai thực hiện Nghị định số 29/2026/NĐ-CP; Nghị định số 06/2022/NĐ-CP; Nghị định số 119/2025/NĐ-CP thống nhất, đồng bộ, đúng quy định và phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh.

- Phân công nhiệm vụ rõ ràng, đúng chức năng đối với từng cơ quan, đơn vị trong tổ chức thực hiện; tăng cường phối hợp giữa các sở, ban, ngành, địa phương và các tổ chức, doanh nghiệp có liên quan đảm bảo chặt chẽ, kịp thời và xuyên suốt.

- Lồng ghép việc thực hiện Kế hoạch với các chương trình, đề án về tăng trưởng xanh, chuyển đổi số, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển kinh tế tuần hoàn; sử dụng hiệu quả các nguồn lực để triển khai thực hiện.

- Hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi để các đơn vị, doanh nghiệp hoàn thiện quy trình kiểm kê, đăng ký hạn ngạch và tài khoản giao dịch, không làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện và kịp thời đề xuất tháo gỡ khó khăn, vướng mắc.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Nhiệm vụ, giải pháp chung

1.1. Công tác tuyên truyền, phổ biến

Tổ chức quán triệt, tuyên truyền, phổ biến nội dung Nghị định số 29/2026/NĐ-CP; Nghị định số 06/2022/NĐ-CP; Nghị định số 119/2025/NĐ-CP và các quy định của pháp luật có liên quan bằng các hình thức phù hợp nhằm nâng cao nhận thức của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và người dân về mục tiêu, ý nghĩa giảm phát thải khí nhà kính, bảo vệ tầng ô-dôn và nguyên tắc vận hành thị trường các-bon trong nước.

Tăng cường tổ chức các hội nghị, hội thảo, tập huấn; biên soạn tài liệu tuyên truyền; đẩy mạnh tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng và môi trường số.

1.2. Rà soát, chuẩn bị các điều kiện để triển khai thực hiện

Theo dõi, cập nhật kịp thời các quy định, hướng dẫn của Trung ương về phát triển thị trường các-bon và sản giao dịch các-bon trong nước; rà soát các chương trình, đề án, dự án, cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý có liên quan đến phát thải khí nhà kính, giảm phát thải và phát triển tín chỉ các-bon để chủ động chuẩn bị các điều kiện triển khai khi được cơ quan có thẩm quyền giao.

Đánh giá đầy đủ tiềm năng của tỉnh để xây dựng và phát triển các dự án tín chỉ các-bon, nhất là từ rừng, đặc biệt là rừng ngập mặn; nông nghiệp sinh thái (*mô hình nuôi tôm dưới tán rừng, lúa - tôm*); năng lượng tái tạo và các lĩnh vực có tiềm năng khác.

Lồng ghép nội dung phát triển thị trường các-bon với việc thực hiện các chương trình, đề án về tăng trưởng xanh, chuyển đổi số, phát triển kinh tế tuần hoàn, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

1.3. Hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận thị trường các-bon

Tăng cường cung cấp thông tin, hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp và các tổ chức có liên quan tiếp cận các quy định của pháp luật về thị trường các-bon trong nước; khuyến khích áp dụng các giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả, đổi mới công nghệ, phát triển các dự án giảm phát thải khí nhà kính, tạo tín chỉ các-bon theo quy định.

Hướng dẫn các cơ sở quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 06/2022/NĐ-CP xây dựng và thực hiện kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính theo hạn ngạch được phân bổ. Phổ biến, hướng dẫn áp dụng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thu gom, vận chuyển, lưu giữ, tái chế, tái sử dụng và xử lý các chất được kiểm soát cho các bên liên quan.

Kịp thời tổng hợp những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện để báo cáo, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

1.4. Tăng cường phối hợp trong tổ chức thực hiện

Các sở, ban, ngành, địa phương chủ động phối hợp, trao đổi thông tin trong quá trình triển khai thực hiện Nghị định; phối hợp thực hiện công tác quản lý nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được giao; tham gia góp ý, đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả triển khai thị trường các-bon trong nước trên địa bàn tỉnh.

Yêu cầu các tổ chức, cơ sở trên địa bàn tỉnh có hạn ngạch phát thải hoặc tín chỉ các-bon phải thực hiện đăng ký tập trung trên Hệ thống đăng ký quốc gia của Bộ Nông nghiệp và Môi trường trước khi đưa vào lưu ký và giao dịch trên sàn giao dịch các-bon trong nước.

Tiếp nhận các tổ chức, cơ sở trong và ngoài tỉnh tham gia thực hiện dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon cung cấp, báo cáo thông tin về dự án được đăng ký; cung cấp thông tin tình hình thực hiện dự án định kỳ hằng năm gửi về Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Tài chính triển khai các quy định về sàn giao dịch các-bon trong nước, chính sách tài chính cho hoạt động của thị trường các-bon.

Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường trong công tác phòng ngừa và phát hiện các hành vi vi phạm pháp luật về quản lý, kiểm soát, giảm thiểu sử dụng và loại trừ các chất được kiểm soát.

1.5. Phát triển hạ tầng, dữ liệu và chuyển đổi số

Chủ động xây dựng và hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu về phát thải khí nhà kính trên địa bàn tỉnh, bảo đảm kết nối, đồng bộ với hệ thống quốc gia.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý phát thải và giao dịch các-bon, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước.

1.6. Thanh tra, kiểm tra và giám sát

Theo dõi, giám sát việc thực hiện loại trừ và các quy định về thu gom, tái chế, tái sử dụng hoặc tiêu hủy các chất được kiểm soát theo Nghị định thư Montreal về các chất làm suy giảm tầng ô-dôn và chất có chứa trong thiết bị, sản phẩm hoặc sử

dụng để sản xuất thiết bị, sản phẩm trên địa bàn quản lý; xử lý theo thẩm quyền các hành vi vi phạm quy định về quản lý, loại trừ các chất được kiểm soát. Đồng thời, theo dõi, kiểm tra, giám sát tuân thủ việc thực hiện công bố hợp quy chất được kiểm soát sau khi tái chế và quy định của pháp luật có liên quan về kinh doanh, thương mại sản phẩm, hàng hóa.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định pháp luật về phát thải khí nhà kính và tham gia thị trường các-bon đối với các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Thiết lập cơ chế giám sát thường xuyên nhằm phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm. Đồng thời, thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất theo quy định, bảo đảm công khai, minh bạch thông tin và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực này.

2. Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể

2.1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Là cơ quan đầu mối tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình thực hiện các quy định pháp luật về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, thị trường các-bon và bảo vệ tầng ô-dôn trên địa bàn tỉnh theo tinh thần Nghị định số 29/2026/NĐ-CP, Nghị định số 06/2022/NĐ-CP và Nghị định số 119/2025/NĐ-CP; kịp thời tổng hợp, báo cáo, đề xuất xử lý các khó khăn, vướng mắc theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Chủ trì, phối hợp các sở, ngành, địa phương tổ chức tuyên truyền, phổ biến các quy định có liên quan đến phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon thuộc phạm vi quản lý của tỉnh; theo dõi, cập nhật hướng dẫn của Trung ương; tổng hợp kết quả rà soát các đối tượng, cơ sở và lĩnh vực có liên quan đến phát thải khí nhà kính và thị trường các-bon trên cơ sở thông tin, số liệu do các cơ quan, đơn vị cung cấp.

Chủ trì rà soát, đánh giá tiềm năng xây dựng các chương trình, dự án tạo tín chỉ các-bon thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của ngành; phối hợp tổng hợp danh mục các chương trình, dự án có tiềm năng phát triển tín chỉ các-bon trên địa bàn tỉnh.

Chủ trì, phối hợp với các sở quản lý ngành hướng dẫn, đôn đốc các cơ sở thuộc danh mục phải kiểm kê khí nhà kính thực hiện kiểm kê và lập báo cáo theo quy định; tiếp nhận, rà soát, tổng hợp kết quả; phối hợp kiểm tra, giám sát hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo cơ quan có thẩm quyền.

Chủ trì, phối hợp các sở, ngành và các cơ quan đơn vị liên quan rà soát, tổng hợp các cơ sở trên địa bàn tỉnh thuộc đối tượng được phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính; phối hợp cung cấp thông tin phục vụ việc xây dựng phương án phân bổ hạn ngạch theo yêu cầu của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Phối hợp cung cấp bổ sung thông tin, số liệu hoạt động phục vụ đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ khí nhà kính cấp quốc gia, lĩnh vực theo yêu cầu của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các Bộ theo quy định. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các quy định về quản lý, loại trừ các chất được kiểm soát theo quy định tại khoản 7 Điều 29 Nghị định số 06/2022/NĐ-CP.

Phối hợp hướng dẫn, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân thực hiện các thủ tục liên quan đến đăng ký, lưu ký hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon theo quy định.

Chủ trì theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch; định kỳ 03 tháng tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy và định kỳ 06 tháng báo cáo Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về kết quả thực hiện; đồng thời, kịp thời tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo xử lý, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

2.2. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch.

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và khả năng cân đối ngân sách địa phương.

Phối hợp nghiên cứu, đề xuất việc lồng ghép nguồn lực từ các chương trình, dự án có liên quan để hỗ trợ triển khai các nhiệm vụ của Kế hoạch.

2.3. Sở Công Thương; Sở Xây dựng

Rà soát, đề xuất danh mục cơ sở thuộc ngành Công Thương, ngành Xây dựng trên địa bàn tỉnh phải kiểm kê khí nhà kính theo tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều 6 của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP quy định về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn gửi cấp có thẩm quyền theo quy định.

Tiếp nhận, rà soát kết quả kiểm kê khí nhà kính của các cơ sở phát thải khí nhà kính quy định tại khoản 1 Điều 5 của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP thuộc ngành Công Thương, ngành Xây dựng trên địa bàn tỉnh; tổng hợp kết quả kiểm kê khí nhà kính của các cơ sở phát thải khí nhà kính báo cáo Bộ quản lý lĩnh vực theo quy định; đồng thời, gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh.

Tiếp nhận, rà soát và tổng hợp kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính của các cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính đối với các cơ sở thuộc lĩnh vực quản lý gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh.

Rà soát, tổng hợp các cơ sở thuộc lĩnh vực công nghiệp, năng lượng có liên quan; phối hợp tuyên truyền, hướng dẫn doanh nghiệp áp dụng các giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả và giảm phát thải khí nhà kính.

Phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, giám sát hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính của các cơ sở phát thải khí nhà kính thuộc ngành Công Thương, ngành Xây dựng trên địa bàn quản lý theo quy định của pháp luật.

Nghiên cứu triển khai các giải pháp giảm phát thải trong hoạt động xây dựng; thúc đẩy sử dụng vật liệu xây dựng xanh; phối hợp xây dựng các dự án xử lý chất thải, thu hồi khí mê-tan; thúc đẩy công trình tiết kiệm năng lượng.

2.4. Sở Khoa học và Công nghệ

Nghiên cứu đề xuất nhiệm vụ khoa học về hấp thụ các-bon của rừng ngập mặn, đất ngập nước và nuôi trồng thủy sản; thúc đẩy các đề tài nghiên cứu về phương pháp đo đạc, tính toán hệ số phát thải phù hợp với đặc thù công nghệ tại địa phương.

Rà soát, đề xuất đặt hàng các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh về công nghệ giảm phát thải khí nhà kính, công nghệ xanh, công nghệ tuần hoàn, công nghệ số phục vụ quản lý phát thải khí nhà kính.

Cập nhật thông tin về chuyên gia, tổ chức khoa học và công nghệ, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan liên quan trong việc nghiên cứu, ứng dụng các giải pháp khoa học, công nghệ phục vụ công tác MRV theo quy định của pháp luật.

Tổ chức các hoạt động kết nối cung - cầu công nghệ; tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận, lựa chọn, đổi mới công nghệ và chuyển giao công nghệ sạch, công nghệ tiết kiệm năng lượng, công nghệ giảm phát thải khí nhà kính từ các chương trình KH&CN của Trung ương và địa phương.

Phổ biến các tiêu chuẩn quốc gia (TCVN), tiêu chuẩn quốc tế (ISO 14064) về định lượng, báo cáo phát thải khí nhà kính tại cơ sở.

2.5. Sở Nội vụ

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn lao động đối với hệ thống lạnh và điều hòa không khí tại điểm d khoản 26 Điều 1 Nghị định số 119/2025/NĐ-CP sau khi Bộ Nội vụ ban hành theo thẩm quyền.

2.6. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Báo và Phát thanh, Truyền hình Cà Mau

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tăng cường tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về thị trường các-bon và sản giao dịch các-bon trong nước; giới thiệu các mô hình, cách làm hiệu quả, góp phần nâng cao nhận thức của cộng đồng và doanh nghiệp.

2.7. Sở Giáo dục và Đào tạo

Tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về biến đổi khí hậu, bảo vệ rừng ngập mặn và giảm nhẹ phát thải các-bon cho cán bộ quản lý và giáo viên cốt cán các trường THPT, THCS. Tích hợp giảng dạy nội dung giáo dục về biến đổi khí hậu, bảo vệ rừng ngập mặn và giảm nhẹ phát thải các-bon.

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các sở, ngành liên quan tổ chức các hoạt động truyền thông các quy định pháp luật về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, phát triển thị trường các-bon và bảo vệ tầng ô-dôn.

2.8. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực 15

Triển khai các chương trình, chính sách tín dụng hỗ trợ phát triển các dự án tín chỉ các-bon, đặc biệt là từ rừng ngập mặn; nông nghiệp sinh thái (*mô hình nuôi tôm dưới tán rừng, lúa - tôm*); năng lượng tái tạo và các lĩnh vực tiềm năng khác trên

địa bàn tỉnh theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước, Ủy ban nhân dân tỉnh nhằm khai thác hiệu quả nguồn lực từ thị trường các-bon, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Phối hợp tuyên truyền, triển khai Nghị định số 29/2026/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn liên quan đến hệ thống ngân hàng trong quá trình tham gia vận hành sản giao dịch các-bon. Theo dõi, tổng hợp các khó khăn, vướng mắc thuộc lĩnh vực ngân hàng trong quá trình thực hiện; báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý.

2.9. Vườn Quốc gia Mũi Cà Mau; Vườn Quốc gia U Minh Hạ

Tổ chức xây dựng, đề xuất và triển khai các dự án tín chỉ các-bon từ hệ sinh thái rừng; thực hiện đo đạc, kiểm kê, giám sát và báo cáo lượng các-bon hấp thụ, lưu giữ của rừng theo quy định; phối hợp với các đơn vị tư vấn, tổ chức chứng nhận, nhà đầu tư và các bên liên quan để phát triển, thẩm định và thực hiện các dự án tín chỉ các-bon rừng.

2.10. Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh: Làm cầu nối tổ chức các diễn đàn kết nối cung - cầu tín chỉ các-bon giữa các doanh nghiệp phát thải công nghiệp và các chủ rừng, hợp tác xã nông nghiệp tại địa phương.

2.11. Doanh nghiệp và cơ sở phát thải: Chủ động nghiên cứu kỹ quyền và nghĩa vụ quy định tại Nghị định số 29/2026/NĐ-CP để vận hành sản xuất phù hợp, tránh các rủi ro pháp lý và tài chính khi sản giao dịch chính thức vận hành. Riêng các nhà máy khí, điện, đạm thuộc danh mục cơ sở phát thải khí nhà kính do Chính phủ ban hành phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính báo cáo kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở định kỳ hai năm một lần cho năm 2026 trở đi.

2.12. Các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động triển khai thực hiện các nội dung của Kế hoạch; phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong quá trình tổ chức thực hiện. Đồng thời, rà soát, đánh giá tiềm năng xây dựng các chương trình, dự án tạo tín chỉ các-bon trên địa bàn tỉnh; xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ quản lý phát thải khí nhà kính; chuẩn bị các điều kiện để nghiên cứu, đề xuất triển khai các chương trình, dự án tạo tín chỉ các-bon theo quy định. Tham mưu xây dựng danh mục các dự án có tiềm năng phát triển tín chỉ các-bon.

Tăng cường tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật; khuyến khích người dân và hộ kinh doanh chuyển sang áp dụng các mô hình sản xuất ít phát thải; sử dụng các thiết bị thân thiện với môi trường; kịp thời phản ánh những khó khăn, vướng mắc và định kỳ báo cáo kết quả thực hiện theo yêu cầu.

(Chi tiết kèm theo Phụ lục các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm triển khai thực hiện đến năm 2030)

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ ngân sách nhà nước theo phân cấp hiện hành, đồng thời huy động các nguồn lực hợp pháp khác, bao gồm nguồn vốn xã hội hóa, hợp tác quốc tế và các chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật liên quan đến biến đổi khí hậu và phát triển thị trường các-bon.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, khẩn trương chuẩn bị các điều kiện cụ thể để triển khai thực hiện theo lộ trình, phấn đấu đến ngày 31/12/2026 có sản phẩm tín chỉ các-bon của tỉnh đủ điều kiện tham gia giao dịch trên thị trường trong nước; đồng thời, chủ động nghiên cứu, chuẩn bị các điều kiện cần thiết, xây dựng lộ trình phù hợp để từng bước tham gia thị trường tín chỉ các-bon quốc tế.

Sở Nông nghiệp và Môi trường làm đầu mối tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá và báo cáo tiến độ thực hiện; định kỳ 03 tháng báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy, 06 tháng báo cáo Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh để theo dõi, chỉ đạo và báo cáo cấp thẩm quyền Trung ương theo quy định.

Thủ trưởng các sở, ban, ngành và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường căn cứ nội dung Kế hoạch này xây dựng kế hoạch chi tiết để triển khai thực hiện và chịu trách nhiệm về tiến độ, chất lượng, kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao; định kỳ hoặc đột xuất báo cáo kết quả thực hiện về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị kịp thời phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) để được hướng dẫn, điều chỉnh phù hợp.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Nghị định số 29/2026/NĐ-CP ngày 19/01/2026 của Chính phủ về sản giao dịch các-bon trong nước trên địa bàn tỉnh Cà Mau./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Tài chính (b/c);
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các cơ quan, đơn vị có tên tại mục II;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Phòng KTTH;
- Lưu: VT, DT (KH03), M.A213/8.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Văn Bi

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 13827/UBND-NNXD

Cà Mau, ngày 16 tháng 8 năm 2026

V/v tăng cường hoạt động bảo vệ
nguồn lợi thủy sản

Kính gửi:

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh
- Ủy ban nhân dân các xã, phường.

Ủy ban nhân dân tỉnh nhận được Công văn số 9035/BNMT-TSKN ngày 10/8/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc tăng cường hoạt động phối hợp bảo vệ nguồn lợi thủy sản theo Kế hoạch số 628/KH-BCA-BNN&MT. Về vấn đề này, **Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:**

1. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh; các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường theo chức năng, nhiệm vụ được giao nghiên cứu, triển khai thực hiện các nội dung có liên quan tại Công văn nêu trên; đồng thời tiếp tục thực hiện nghiêm, hiệu quả các nhiệm vụ, ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại Kế hoạch số 422/KH-UBND ngày 17/7/2026 về thực hiện đợt cao điểm triển khai Chỉ thị số 01-CT/TU và chống khai thác IUU và Công văn số 12214/UBND-NNXD ngày 23/7/2026 về tiếp tục tập trung thực hiện các giải pháp ngăn chặn khai thác thủy sản mang tính hủy diệt; chủ động phối hợp, kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh theo thẩm quyền, không để tình trạng sử dụng xung điện, chất nổ, chất độc và các phương pháp, phương tiện, ngư cụ khai thác có tính hủy diệt, tàn diệt diễn biến phức tạp trên địa bàn.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức tuần tra, kiểm tra, kiểm soát, phát hiện và xử lý theo thẩm quyền các hành vi khai thác thủy sản mang tính hủy diệt, tàn diệt trên địa bàn tỉnh; chủ động phối hợp, trao đổi thông tin với các lực lượng chức năng và chính quyền địa phương trong quá trình thực hiện. Đồng thời, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch số 628/KH-BCA-BNN&MT trên địa bàn tỉnh; làm đầu mối tổng hợp kết quả thực hiện của các cơ quan, đơn vị, địa phương, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo yêu cầu; kịp thời tham mưu biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc.

3. Công an tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tăng cường công tác nắm tình hình, đấu tranh, phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ nguồn lợi thủy sản thuộc chức năng, nhiệm vụ của lực lượng Công an; đồng thời tăng cường theo dõi, phát hiện các hoạt động mua bán, tàng trữ trái phép thiết bị, ngư cụ cấm trên không gian mạng để xử lý theo quy định.

4. Ủy ban nhân dân các xã, phường tổ chức tuyên truyền, vận động Nhân dân, nhất là ngư dân và các tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác thủy sản trên địa bàn chấp hành nghiêm quy định của pháp luật về bảo vệ nguồn lợi thủy sản; vận động ký cam kết không tàng trữ, mua bán, sản xuất, vận chuyển và sử dụng ngư cụ cấm, vật liệu nổ, chất độc, xung điện để khai thác thủy sản; phát huy vai trò của cộng đồng trong phát hiện, cung cấp thông tin, tố giác hành vi vi phạm cho cơ quan chức năng.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các sở, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan thực hiện nội dung Công văn này (gửi kèm Công văn số 9035/BNMT-TSKN qua iO)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Chi cục Biển, Hải đảo và Kiểm ngư;
- Phòng NN-XD (Kha372);
- Lưu: VT, TH1936/8.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Văn Sử